

Cộng đồng dân cư địa phương với quá trình xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện nhỏ

(Nghiên cứu trường hợp xã Trà Giác, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam)^(*)

Nguyễn Tuấn Anh^(**), Nguyễn Thị Hoàng Liên^(***)
Đặng Thanh Tú^(****), Phạm Tiến Đức^(*****)

Tóm tắt: Dựa trên kết quả nghiên cứu xã hội học tại xã Trà Giác, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam - nơi có nhà máy thủy điện nhỏ Tà Vi, nội dung bài viết phân tích sự tham gia của người dân địa phương và những tác động của việc xây dựng và vận hành các công trình ở địa phương đến cộng đồng dân cư. Các kết quả rút ra từ nghiên cứu có thể khái quát ở hai điểm chính. Thứ nhất, người dân địa phương và cán bộ cấp xã không được tham vấn trong quá trình lên kế hoạch xây dựng nhà máy. Họ chỉ đơn thuần chấp hành/thực hiện kế hoạch xây dựng nhà máy đã được quyết định bởi cấp trên. Thứ hai, một bộ phận nhỏ lao động địa phương có thêm việc làm trong quá trình xây dựng nhà máy, tuy nhiên một nhóm hộ gia đình lại gặp khó khăn khi di chuyển đến nương rẫy để sản xuất do việc xây đập thủy điện. Thêm nữa, gần đây nước của đập thủy điện dâng lên làm ngập nương rẫy của các hộ gia đình ở lòng đập, nhưng việc đền bù những thiệt hại này lại chưa được tính đến.

Từ khóa: Xã hội học, Đập thủy điện, Công trình thủy điện, Bắc Trà My, Quảng Nam

Việt Nam có tiềm năng thủy điện lớn nhất trong các nước ASEAN (Liu, Masera, and Esser (eds), 2013, p.7). Trên thực tế, phát triển thủy điện là một hướng ưu tiên của Việt Nam.

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển ngành điện Việt Nam giai đoạn 2004-2010, định hướng đến năm 2020 đã khẳng định: “Khuyến khích đầu tư các nguồn thủy điện nhỏ với nhiều hình thức để tận dụng nguồn năng lượng sạch, tái sinh này. Trong khoảng 20 năm tới sẽ

(*) Bài viết nằm trong khuôn khổ đề tài “Review of renewable energy practices in the Philippines and Vietnam: To develop renewable energy introduction metrics in rural communities” do The Toyota Foundation tài trợ.

(**) PGS.TS., Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; email: anhxhh@gmail.com

(***) TS., Khoa Môi trường, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.

(****) TS., Viện Công nghệ môi trường.

(*****) ThS., Khoa Môi trường, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.

xây dựng hầu hết các nhà máy thủy điện tại những nơi có khả năng xây dựng” (Thủ tướng Chính phủ, 2004).

Nhìn một cách tổng thể, thủy điện có nhiều lợi ích như cung cấp nguồn điện năng sạch, cấp nước, chống lũ, chống hạn,... Tuy nhiên, việc xây dựng và vận hành các công trình thủy điện cũng tạo ra các tác động trái chiều đối với cư dân địa phương. Vì vậy, những hệ quả kinh tế, văn hóa, xã hội của các dự án thủy điện cần phải được quan tâm (Dunlap and Catton, 1979, pp.259-261).

Những tác động tiêu cực về mặt xã hội của việc xây dựng và vận hành các công trình thủy điện nói chung có thể chia thành ba nhóm. Thứ nhất là những tác động văn hóa-xã hội tổng hợp - tức là những vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội,... đối với cộng đồng dân cư địa phương do dòng người lao động từ các nơi khác đến xây dựng thủy điện gây ra. Thứ hai là những ảnh hưởng do sự thay đổi dòng chảy của sông suối (hệ quả ngăn đập thủy điện) tác động đến nhiều lĩnh vực như sản xuất nông nghiệp, đánh bắt hải sản,... Thứ ba là những tác động do quá trình di dân phục vụ xây dựng thủy điện (Cernea, 1997). Một trong những chiều cạnh đáng quan tâm khác là sự tham gia của cộng đồng cư dân địa phương trong quá trình xây dựng và vận hành các nhà máy thủy điện. Nghiên cứu của Rai và Srivastava về thủy điện nhỏ ở Northwestern Himalaya đã chỉ ra rằng, thiếu sự tham gia của người dân đã dẫn đến sự phản đối các dự án thủy điện nhỏ (Rai and Srivastava, 2014).

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi làm rõ sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương vào dự án thủy điện nhỏ và những tác động của dự án này đến cộng đồng dân cư địa phương trên cơ sở kết quả khảo sát xã hội học

tại xã Trà Giác, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam - nơi có nhà máy thủy điện nhỏ Tà Vi^(*).

Tính đến năm 2014, xã Trà Giác có tổng diện tích tự nhiên 15.041,17 ha, trong đó: đất rừng tự nhiên 7.680 ha; đất chưa có rừng 5.368 ha; đất rừng trồng 785 ha; còn lại là đất khác. Toàn xã có gần 7 trăm hộ, với hơn 2.700 nhân khẩu. Phần lớn cư dân là đồng bào dân tộc thiểu số Ca Dong (chiếm tỷ lệ trên 95% dân số). Trong năm 2014, xã Trà Giác đã phát triển được 60 ha diện tích rừng trồng keo, tăng 38 ha so với năm 2013. Tổng diện tích trồng lúa nước của xã là 32 ha với năng suất 32 tạ/ha, diện tích lúa rẫy là 60 ha với năng suất 24 tạ/ha; diện tích trồng khoai lang là 19,5 ha; diện tích trồng sắn là 48,5 ha, và diện tích trồng rau, đậu các loại là 8 ha (Ủy ban Nhân dân xã Trà Giác, 2014). Nghề nghiệp chính của người dân ở đây là sản xuất nông, lâm nghiệp; công nghiệp và dịch vụ chiếm tỷ lệ không đáng kể.

1. Sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương vào quá trình xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện nhỏ Tà Vi

Sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương vào việc xây dựng nhà máy thủy điện có thể được xem xét qua ba giai đoạn: giai đoạn chuẩn bị trước khi xây dựng nhà máy, giai đoạn xây dựng nhà máy, và giai đoạn vận hành nhà

^(*) Nghiên cứu sử dụng ba phương pháp thu thập thông tin: *quan sát* (trực tiếp quan sát nhà máy thủy điện, quan sát ruộng rẫy, nhà của nơi việc xây dựng nhà máy có tác động đến); *phỏng vấn sâu* (10 phỏng vấn sâu đã được thực hiện với lãnh đạo chính quyền xã, thôn, cán bộ làm việc trong nhà máy thủy điện và người dân địa phương vào tháng 4/2015); và *khảo sát xã hội học* (khảo sát tất cả các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi việc xây dựng hay vận hành nhà máy thủy điện, tổng số 35 bảng hỏi với 26 câu hỏi).

máy. Trên thực tế, nhà máy thủy điện Tà Vi được khởi công xây dựng năm 2009 và được vận hành để phát điện năm 2012. Kết quả nghiên cứu tại thực địa cho thấy, trước khi nhà máy được xây dựng, đại diện chủ đầu tư (Công ty Mạnh Nam) và cán bộ chính quyền địa phương có tổ chức họp với người dân, thông báo về kế hoạch xây dựng nhà máy cũng như kế hoạch đền bù. Các cuộc họp được tổ chức tại thôn - những nơi chịu ảnh hưởng bởi việc xây dựng nhà máy. Tuy nhiên, điều đáng lưu ý là nội dung các cuộc họp chỉ xoay quanh việc đền bù cho những hộ bị ảnh hưởng, không có cuộc họp nào tham vấn người dân địa phương về chủ trương xây dựng nhà máy thủy điện. Liên quan đến vấn đề này, một lãnh đạo xã Trà Giác cho biết: *Trước khi nhà máy được xây dựng, lãnh đạo huyện Bắc Trà My và lãnh đạo công ty Mạnh Nam có đến làm việc với Thường vụ Đảng ủy xã Trà Giác. Lãnh đạo huyện quán triệt chủ trương xây dựng nhà máy thủy điện Tà Vi tại xã. Là cơ quan cấp dưới, Thường vụ Đảng ủy xã thực hiện ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo huyện. Sau cuộc họp này, cán bộ địa chính xã và cán bộ công ty Mạnh Nam mới đi kiểm đếm đất đai và cây cối của các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi việc*

xây dựng. Sau đó khoảng một tháng thì lãnh đạo huyện Bắc Trà My, lãnh đạo xã Trà Giác và lãnh đạo công ty Mạnh Nam có họp với đại diện các hộ dân bị ảnh hưởng. Có thể thấy, người dân địa phương không có vai trò gì, còn cán bộ cấp xã có vai trò rất hạn chế trong việc chuẩn bị xây dựng nhà máy (Phỏng vấn sâu NVB - cán bộ xã Trà Giác).

Như vậy, việc xây dựng nhà máy thủy điện đã được quyết định bởi cấp trên, còn người dân địa phương chỉ chấp hành các quyết định này. Cán bộ lãnh đạo xã nơi đặt nhà máy cũng không được tham vấn về kế hoạch, dự kiến xây dựng nhà máy, mà chỉ chấp hành quyết định từ cấp trên. Nói cách khác, cán bộ cấp xã và người dân địa phương không có tiếng nói trong việc lên kế hoạch xây dựng nhà máy thủy điện. Trong khi đó, kết quả khảo sát tại địa phương cho thấy, nhiều người dân đánh giá cao sự cần thiết của việc chính quyền, đoàn thể

Bảng 1. Đánh giá mức độ cần thiết/quan trọng của một số hoạt động trước khi xây dựng nhà máy thủy điện (tỷ lệ % trên tổng số người trả lời)

TT	Hoạt động	Mức độ cần thiết (%)				
		Không cần thiết	Cần thiết	Rất cần thiết	Ý kiến khác	Tổng
1	Chính quyền cấp xã cần được tham vấn khi lên kế hoạch xây dựng nhà máy thủy điện	8,6	54,2	34,3	2,9	100,0
2	Các đoàn thể ở địa phương cần được hỏi ý kiến về việc xây dựng nhà máy thủy điện	2,9	48,6	37,1	11,4	100,0
3	Người dân địa phương cần được hỏi ý kiến về việc xây dựng nhà máy thủy điện	48,6	20,0	25,7	5,7	100,0

và cư dân địa phương tham gia ý kiến về xây dựng nhà máy ở giai đoạn xây dựng kế hoạch. Kết quả khảo sát cụ thể ở Bảng 1 (trang 29).

Số liệu Bảng 1 cho thấy, tỷ lệ lớn những người được khảo sát cho rằng chính quyền và đoàn thể (cấp xã) cần có tiếng nói trong việc lên kế hoạch xây dựng nhà máy. Về việc hỏi ý kiến người dân đối với kế hoạch xây dựng nhà máy thủy điện, có sự phân chia các ý kiến thành hai nhóm, với tỷ lệ gần tương đương nhau: một nhóm cho rằng không cần thiết, một nhóm cho rằng rất cần thiết/hoặc cần thiết.

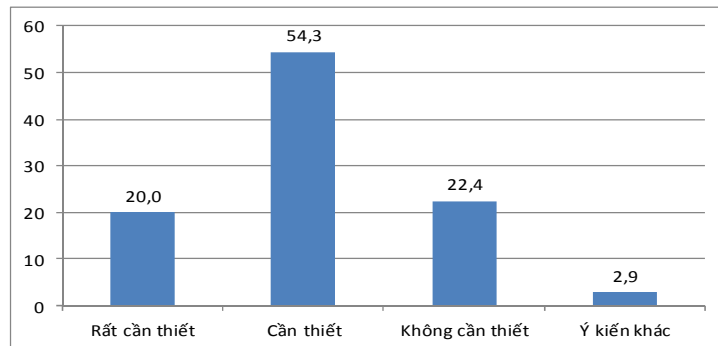
Trong giai đoạn xây dựng nhà máy thủy điện Tà Vi, công ty Mạnh Nam có thuê một số nhân công là người địa phương, tuy nhiên số lượng là rất ít, và chủ yếu chỉ tập trung ở một số hộ gia đình gần nhà máy. Còn lại hầu hết nhân công xây dựng nhà máy được công ty Mạnh Nam đưa từ nơi khác đến, với số lượng khoảng 40 lao động, số này có đăng ký tạm trú với xã trong quá trình xây dựng nhà máy (Phỏng vấn sâu NNL - cán bộ xã).

Trong khi đó, kết quả khảo sát về mức độ cần thiết/quan trọng của việc tuyển dụng nhân công địa phương trong quá trình xây dựng nhà máy (Biểu đồ 1) cho thấy một số điểm đáng lưu ý. Thứ nhất, một bộ phận lớn những người được hỏi cho rằng nhân công địa phương nên được tuyển dụng để phục vụ quá trình xây dựng nhà máy. Điều đó không chỉ thể hiện sự đóng góp của cư dân địa phương vào quá

trình xây dựng nhà máy, mà còn mang lại công việc và thu nhập cho họ - điều mà nhiều người dân mong đợi. Thứ hai, việc người dân địa phương tham gia xây dựng nhà máy còn có thể tạo ra sự gắn kết giữa cộng đồng cư dân địa phương với nhà máy. Trên thực tế, mối quan hệ giữa cộng đồng dân cư địa phương với công ty Mạnh Nam khá lỏng lẻo. Một trong những minh chứng cụ thể là trong giai đoạn xây dựng nhà máy, giữa cộng đồng dân cư địa phương và các công nhân xây dựng thủy điện được đưa từ nơi khác đến có xảy ra một số xung đột, dẫn đến việc ba công nhân phải nhập viện (Phỏng vấn sâu NNL - cán bộ xã).

Cũng cần nói thêm rằng, khi nhà máy đi vào hoạt động, những người dân địa phương không được tham gia vào quá trình vận hành. Từ bảo vệ cho đến công nhân, cán bộ kỹ thuật vận hành nhà máy đều được đưa từ nơi khác đến (Phỏng vấn sâu NVB - cán bộ xã). Trên thực tế, để vận hành nhà máy, công nhân hay cán bộ kỹ thuật cần phải có trình độ chuyên môn nhất định. Vì vậy, cư dân địa phương chưa được đào tạo thì có thể không đảm nhận được công việc này. Tuy nhiên, nhân lực bảo vệ nhà máy thì người dân địa phương hoàn toàn có thể đảm nhận.

Biểu đồ 1. Mức độ cần thiết/quan trọng của việc tuyển dụng nhân công địa phương trong quá trình xây dựng nhà máy (tỷ lệ % trên tổng số người trả lời)



2. Tác động của việc xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện đến cộng đồng dân cư địa phương

Trước khi xây dựng nhà máy thủy điện Tà Vi, các hộ dân được thông báo về việc kiểm đếm đất đai, cây cối và quá trình đền bù cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng. Kết quả khảo sát định lượng ở xã Trà Giác cho thấy một số điểm đáng lưu ý sau đây. *Thứ nhất*, chỉ có 40,0% số người được khảo sát đánh giá: *Thông tin về đền bù đối với những thiệt hại của hộ gia đình do xây dựng thủy điện (cách thức, giá cả, thời gian đền bù) được thông báo đầy đủ và trước một khoảng thời gian hợp lý để thay đổi/ứng phó. Thứ hai*, số ít người dân ở địa phương (14,3%) đánh giá: *Tác động đối với môi trường sống (ô nhiễm, ngập lụt, khô hạn,...) do xây dựng và vận hành nhà máy được thông báo đầy đủ và trước một khoảng thời gian hợp lý để thay đổi/ứng phó.* Đặc biệt là có rất ít người dân địa phương (2,0%) đánh giá: *Tác động đến sinh hoạt của hộ gia đình (tiếng ồn ảnh hưởng đến sinh hoạt hàng ngày, thời gian thực hiện các hoạt động trong ngày bị thay đổi, đi lại khó khăn,...) do việc xây dựng và vận hành nhà máy được thông báo đầy đủ và trước một khoảng thời gian hợp lý để thay đổi/ứng phó.* Như vậy, một bộ phận lớn người dân được hỏi ở đây đánh giá là họ không được thông tin đầy đủ hoặc/và trước một khoảng thời gian hợp lý.

Liên quan đến đền bù, việc đền bù thiệt hại cho các hộ gia đình ở địa phương do xây dựng nhà máy thủy điện Tà Vi được thực hiện trong năm 2009. Những hộ gia đình bị ảnh hưởng thuộc thôn 1 và thôn 5 của xã Trà Giác. Để thực hiện đền bù, lãnh đạo huyện Bắc Trà My, lãnh đạo xã Trà Giác và lãnh đạo công ty Mạnh Nam có họp với đại diện các hộ dân bị ảnh hưởng, thông báo

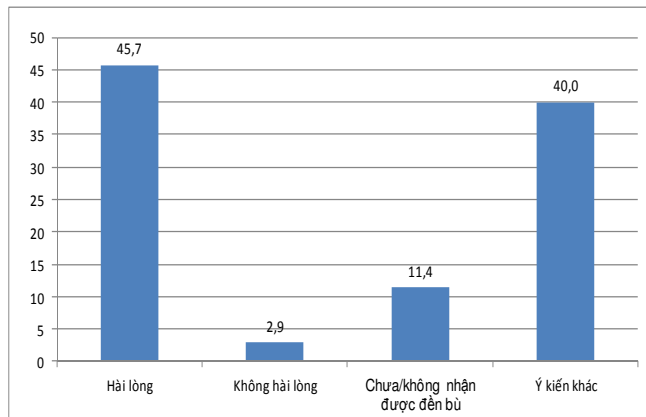
với đại diện các hộ gia đình về việc xây dựng nhà máy thủy điện và việc đền bù. Các hộ gia đình chủ yếu được đền bù do mất đất sản xuất, mất cây cối trên đất, và mất các chòi canh nương rẫy khi xây dựng nhà máy thủy điện. Không có hộ nào bị ảnh hưởng nhà cửa hay phải di dời đến nơi ở mới. Trước khi đền bù, công ty Mạnh Nam thuê một công ty đo đạc có trụ sở ở tỉnh Quảng Nam về đo đạc đất đai bị ảnh hưởng. Cán bộ địa chính của xã cũng tham gia vào hoạt động này, nhưng chỉ là chứng kiến việc đo đạc. Khi đo đạc đất của hộ gia đình nào thì hộ gia đình đó cũng tham gia chứng kiến. Sau khi đo đạc, kiểm đếm xong, việc trả tiền đền bù được thực hiện tại văn phòng Ủy ban Nhân dân xã Trà Giác. Trong quá trình đền bù, một số hộ gia đình không nhận tiền đền bù vì cho rằng giá cả đền bù không đúng với quy định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam. Vì vậy, lãnh đạo huyện và lãnh đạo xã đã can thiệp với công ty Mạnh Nam để công ty đền bù đúng theo quy định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam; đồng thời tuyên truyền vận động người dân đồng thuận với việc nhận tiền đền bù để việc xây dựng nhà máy được triển khai. *Với một số hộ gia đình không đồng ý nhận tiền đền bù, công ty Mạnh Nam đã phải cử người đến từng nhà để trả tiền đền bù* (Phòng vấn sâu NVB - cán bộ xã).

Một điểm đáng lưu ý là sau khi nhà máy thủy điện đi vào vận hành, nước trong hồ thủy điện dâng lên và nhiều hộ gia đình thuộc thôn 1 của xã Trà Giác có nương rẫy dọc theo lòng hồ thủy điện bị ảnh hưởng. Rẫy của họ bị ngập nước, cây trồng bị chết, đất đai không canh tác được nữa. Một người dân ở đây cho biết, khi nước trong hồ thủy điện dâng lên (nhất là 2 năm gần đây), những cây

trồng ở trên rẫy của gia đình họ như keo, quế bị chết. Thêm nữa, diện tích rẫy của gia đình này bị ngập mất 0,3 ha và không thể canh tác được nữa. Nhiều hộ gia đình bị thiệt hại do nước lòng hồ dâng đã phản ánh thực trạng vấn đề lên cán bộ địa chính xã Trà Giác. Tuy nhiên, câu chuyện cũng chỉ dừng ở đó và chưa có hộ nào bị ảnh hưởng được đền bù. Người bị thiệt hại nhấn mạnh rằng, *chẳng có dấu hiệu gì cho thấy nhà máy thủy điện có ý định đền bù* (Phỏng vấn sâu TML - người dân địa phương).

Kết quả khảo sát định lượng về đánh giá của người dân địa phương đối với việc đền bù (bằng tiền mặt - hình thức đền bù duy nhất) đối với những thiệt hại do việc xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện thể hiện ở Biểu đồ 2.

Biểu đồ 2. Đánh giá của người dân về đền bù thiệt hại do xây dựng và vận hành nhà máy (tỷ lệ % số người trả lời)



Số liệu Biểu đồ 2 cho thấy, tỷ lệ người được hỏi trả lời không hài lòng với việc đền bù của nhà máy khá thấp. Tỷ lệ người trả lời rằng họ hài lòng với việc đền bù là cao (45,7%). Tuy nhiên, điểm đáng lưu ý là có đến 11,4% người được hỏi cho biết họ chưa/không nhận được sự đền bù từ nhà máy đối với những thiệt

hại do việc xây dựng và vận hành nhà máy. Đây chủ yếu là những hộ gia đình bị thiệt hại trong quá trình vận hành nhà máy, do mực nước trong hồ thủy điện dâng lên làm ngập nương rẫy. Điểm đáng lưu ý nữa là, có đến 40,0% số người được hỏi có “ý kiến khác” - không phải “hài lòng” mà cũng không phải “không hài lòng”. Điều này cho thấy thực tế là nhiều người được đền bù không biết việc đền bù đã thỏa đáng hay chưa. Có lẽ đặc điểm dân cư ở đây (hầu hết là người dân tộc thiểu số Ca Dong) là yếu tố ảnh hưởng đến đánh giá này.

Bên cạnh những điểm đáng lưu ý liên quan đến thiệt hại và việc đền bù thiệt hại, việc xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện Tà Vi cũng có các tác động khác, cả tích cực và tiêu cực, đối với cộng đồng dân cư địa phương.

Về mặt tích cực, người dân được hưởng lợi trên hai phương diện. *Thứ nhất*, một số lao động địa phương được thuê làm công trong quá trình xây dựng nhà máy (đã được đề cập ở trên). *Thứ hai*, trong quá trình xây dựng nhà máy thủy điện cũng đã làm được một con đường nhỏ kết nối hai bờ suối nơi làm đập thủy điện và nhà máy. Con đường này giúp nhiều hộ dân thuận tiện trong việc di chuyển từ bên này suối (nơi có nhà cửa của họ) sang bên

kia suối (nơi có một số nương rẫy của họ). Trước đây khi chưa có con đường này, họ phải lội qua suối hoặc phải đi rất xa mới đến được rẫy.

Tuy nhiên, cần nói thêm rằng, việc ngăn đập thủy điện lại gây khó khăn cho một nhóm các hộ gia đình khác trong sản xuất. Liên quan đến ảnh

hưởng của dự án thủy điện Tà Vi đối với quá trình sản xuất ở địa phương, kết quả khảo sát định lượng cho số liệu cụ thể như sau: 68,8% số người trả lời cho biết quá trình sản xuất nông/lâm nghiệp của họ khó khăn hơn, trong khi đó chỉ 31,4% cho rằng quá trình sản xuất nông/lâm nghiệp của họ không thay đổi. Việc ngăn đập để vận hành nhà máy thủy điện đã làm nước của con suối (được ngăn làm hồ thủy điện) dâng lên, gây cản trở cho một nhóm hộ gia đình trong quá trình di chuyển từ nhà của họ sang rẫy để sản xuất, trong khi đó họ cũng không thể đi theo con đường mới vì khá xa. *Trước đây, khi chưa có đập thủy điện, những hộ gia đình này có thể lội qua suối để sang rẫy. Tuy nhiên, từ khi nước suối dâng do ngăn suối làm đập thủy điện, họ phải đi đường vòng dài mất mấy cây số, có hộ gia đình phải mất thêm một tiếng đồng hồ nữa để di chuyển. Điều này gây khó khăn cho họ trong việc canh tác* (Phỏng vấn sâu TML - người dân địa phương).

Như vậy, qua kết quả khảo sát thực tế tại xã Trà Giác có thể thấy, quá trình xây dựng nhà máy đã mang lại một số lợi ích cho cộng đồng dân cư địa phương, tuy nhiên cũng ảnh hưởng lớn đến đời sống của một bộ phận người dân nơi đây. Thiết nghĩ, việc xây dựng nhà máy thủy điện là nhu cầu thiết yếu trong chiến lược năng lượng, phục vụ phát triển đất nước. Tuy nhiên, trước khi xây dựng mỗi dự án, cần có các phương án thích hợp để giảm thiểu những tác động tiêu cực đến đời sống người dân địa phương, đồng thời có những chính sách bồi thường thỏa đáng, tính đến những hỗ trợ cần thiết nhằm mang lại tối đa lợi ích cho những người chịu tác động trực tiếp từ các dự án này và để người dân ổn định cuộc sống sau khi công trình vận hành và đi vào sử dụng □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Cernea, Michael M. (1997), "Hydropower Dams and Social Impacts: A Sociological Perspective", *World Bank's Environment Department, Social Policy & Resettlement Division*, www-wds.worldbank.org/.../IB/.../585559324_20040283053533.pdf, truy cập tháng 9/2015.
2. Dunlap, Riley E and William R Catton. (1979), "Environmental Sociology", *Annual Review of Sociology*, N°5.
3. Liu, Heng, Diego Masera, and Lara Esser (eds) (2013), "World Small Hydropower Development Report 2013", *United Nations Industrial Organization; International Center on Small Hydropower*, <http://www.smallhydroworld.org/>, truy cập tháng 9/2015.
4. Rai, S. C and Ankur Srivastava (2014), "Small Hydro Power Projects and Community Participation", in: *Livelihood Security in Northwestern Himalaya*, edited by R. B. Singh and R. Hietala, Springer Japan.
5. Thủ tướng Chính phủ (2004), "Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển ngành điện Việt Nam giai đoạn 2004-2010, định hướng đến năm 2020", <http://www.evn.com.vn/News/Gioi-thieu-chung/Tong-quan-ve-EVN/Chien-luoc-phat-trien-nganh-dien-Viet-Nam.aspx>, truy cập tháng 9/2015.
6. Ủy ban Nhân dân xã Trà Giác (2014), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội - an ninh quốc phòng năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2015*.